TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 621/2024/DS-PT
Ngày 16-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Luật

Bà Trần Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Song Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 548/2024/TLPT-DS ngày 06/11/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 540/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Đào Phú C, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp Bến Tượng, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1953 và ông Chiêu Kim T, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: ấp Bến Tượng, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Huỳnh Thị Hồng Nh, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp Bến Tượng, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Chiêu Kim T và bà Nguyễn Thị Kim V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đào Phú C trình bày:**

Ông C và bà Nguyễn Thị Kim V và ông Chiêu Kim T là hàng xóm. Ông T là con của bà V. Ngày 25 tháng 4 năm 2022, ông C có cho bà V và ông T vay số tiền 1.750.000.000 đồng; mục đích vay để bà V và ông T kinh doanh bất động sản. Hai bên có lập Giấy mượn tiền ngày 25 tháng 4 năm 2022, thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày vay, không thỏa thuận lãi. Việc vay tiền không thế chấp tài sản gì để bảo đảm khoản vay. Giấy mượn tiền ngày 25 tháng 4 năm 2022 được lập trên mẫu có sẵn tại nhà ông C. Ông C là người trực tiếp viết giấy mượn tiền; có chữ ký và chữ viết họ tên của ông C, có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lăn tay của bà V và ông T. Sau khi lập giấy nợ xong, ông C giao đủ số tiền 1.750.000.000 đồng cho mẹ con bà V và ông T. Khi giao nhận tiền vay, có mặt ông C và vợ là bà Huỳnh Thị Hồng Nh, bà V và ông T. Số tiền 1.750.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng ông C. Đến hạn thanh toán nợ, ông C nhiều lần đến nhà yêu cầu bà V và ông T trả nợ nhưng bà V và ông T cố tình dây dưa kéo dài, tránh mặt ông C. Bà V và ông T còn hứa sẽ chuyển nhượng đất để trả nợ cho ông C nhưng không thực hiện.

Tại Đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2024, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V và ông T liên đới trả cho ông C số tiền đã vay là 1.750.000.000 đồng và lãi suất tạm tính đến thời gian xét xử kể từ ngày bà V và ông T phải trả nợ cho ông C là: 1.750.000.000 đồng x 0,83% x 24 tháng = 348.600.000 đồng; tổng số tiền bà V và ông T có trách nhiệm trả cho ông C là 2.098.600.000 đồng.

Tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 11 tháng 4 năm 2024, ông C rút yêu cầu về số tiền lãi là 348.600.000 đồng. Nay, ông C chỉ yêu cầu bà V và ông T liên đới trả cho ông C số tiền nợ gốc đã vay là 1.750.000.000 đồng, ông C không yêu cầu bà V và ông T trả lãi.

*** Tại Bản tự khai ngày 29 tháng 3 năm 2024, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11 tháng 4 năm 2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà V và ông T cùng trình bày:**

Bà V và ông T là hàng xóm với ông C. Ông T là con của bà V. Về Giấy mượn tiền ngày 25 tháng 4 năm 2022: Bà V và ông T chỉ thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lăn tay của bà V. Bà V và ông T không thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lăn tay của ông T. Số căn cước công dân của ông T ghi trong giấy nợ là không đúng; ngày cấp căn cước công dân và nơi cấp căn cước công dân của bà V và ông T ghi trong giấy nợ đều sai. Nội dung sự thật của giấy mượn tiền này: ngày 18 tháng 7 năm 2017, ông T có vay của ông C số tiền gốc là 30.000.000 đồng, mục đích để tiêu xài cá nhân ông T chứ không có phục vụ cho sinh hoạt gia đình; thời hạn vay là 01 tháng, có nghĩa là đến hết ngày 18 tháng 8 năm 2017 ông T phải trả nợ cho ông C. Việc vay tiền thực hiện tại nhà ông C, ông T có ký tên nhận nợ nhưng ký trên tờ giấy trắng, tờ giấy đó ông C giữ chứ không có đưa cho ông T. Sau khi ký xong, ông C giao số tiền vay 30.000.000 đồng cho ông T, không ai khác chứng kiến. Bà V hoàn toàn không biết số tiền vay này của ông T. Lãi suất của số tiền vay 30.000.000 đồng hai bên thỏa thuận miệng với nhau, mỗi tháng là 6.000.000 đồng (tương đương 20%/tháng). Đến hết ngày 18 tháng 8 năm 2017, ông T chưa có tiền trả nợ cho

ông C nhưng ông C vẫn đồng ý gia hạn thời hạn trả nợ với điều kiện ông T vẫn tiếp tục đóng tiền lãi. Tổng cộng ông T đã đóng được 10 tháng tiền lãi là 60.000.000 đồng (từ ngày 18 tháng 7 năm 2017 đến ngày 18 tháng 5 năm 2018); việc đóng tiền lãi bằng cách trả tiền mặt cho ông C và không có ký nhận giấy tờ gì. Sau đó, ông T không còn khả năng đóng lãi; ông T xin ông C không trả lãi nữa và chỉ trả vốn nhưng ông C không đồng ý. Số tiền gốc 30.000.000 đồng đến nay ông T cũng chưa có tiền trả cho ông C. Thực chất, ông T chỉ vay ông C 30.000.000 đồng, số tiền 1.750.000.000 đồng mà ông C khởi kiện đòi bà V và ông T là do ông C cộng lãi và gốc, sau đó tính lãi vào mà có, hoàn toàn ông T và bà V không có vay của ông C 1.750.000.000 đồng. Bà V và ông T cho rằng, số tiền 1.750.000.000 đồng ghi trong giấy nợ có dấu hiệu sửa. Lý do trong giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết họ tên và dấu lăn tay của bà V: ngày 25 tháng 4 năm 2022, một mình bà V đến nhà ông C hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng, hẹn khi nào có tiền thì bà V trả. Ông C đồng ý và giao tiền mặt cho bà V, chỉ có bà V và ông C, không có ai chứng kiến. Bà V cũng có ký tên, ghi họ tên và lăn tay vào một giấy nợ để trống, giấy nợ này ông C giữ chứ bà V không có giữ. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 20%/năm (tương đương 4.000.000 đồng/tháng), bà V trả được khoảng 06-07 tháng tiền lãi thì ngưng (trả tiền mặt cho ông C, không có giấy tờ gì). Đến năm 2023, ngày tháng bà V không nhớ cụ thể, bà V trả dứt tiền gốc 20.000.000 đồng nhưng không lấy giấy nợ về. Do bà V sơ suất mới xảy ra sự việc. Bà V và ông T thừa nhận việc ký tên giấy nợ trống và không giữ bản nào là lỗi của mình. Nay bà V và ông T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông C. Ông T chỉ đồng ý trả cho ông C tiền nợ gốc 30.000.000 đồng.

*** Tại Bản tự khai ngày 09 tháng 5 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Hồng Nh trình bày:**

Bà Nh là vợ của ông C. Nội dung sự việc đúng như lời ông C trình bày. Ngày 25/4/2022, bà Nh là người mang tiền ra cho ông C giao cho bà V và ông T vay số tiền 1.750.000.000 đồng. Số tiền này là tài sản chung của vợ chồng. Bà V và ông T không trả cho ông C bất kỳ khoản tiền lãi hay gốc nào. Nay, bà Nh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn C đối với bà Nguyễn Thị Kim V và ông Chiêu Kim T về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim V và ông Chiêu Kim T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đào Phú C tổng số tiền 1.750.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi là 348.600.000 đồng (ba trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng) của ông Đào Văn C đối với bà Nguyễn Thị Kim V và ông Chiêu Kim T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/10/2024 bà Nguyễn Thị Kim V và ông Chiêu Kim T là bị đơn có đơn kháng cáo, yêu cầu xét xử lại phúc thẩm: sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Phú C. Tại phiên tòa, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn trả nợ nguyên đơn 1.750.000.000 đồng là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đào Phú C (sau đây viết là nguyên đơn) khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim V và ông Chiêu Kim T (sau đây viết là bị đơn) yêu cầu bị đơn trả nợ 1.750.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 25/4/2022 và tiền lãi chậm trả. Ngày 11/4/2024, nguyên đơn có đơn rút yêu cầu đòi tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử về phần yêu cầu thanh toán tiền lãi là phù hợp.

[2] Bị đơn khai: bà V có vay của nguyên đơn 20.000.000 đồng và đã trả nợ xong. Ông T có vay của nguyên đơn 30.000.000 đồng chưa thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn có đưa cho bị đơn tờ giấy mượn tiền để trống, do sơ suất nên bị đơn đã ký tên, điểm chỉ; sau đó, nguyên đơn ghi thêm vào số tiền bị đơn mượn là 1.750.000.000 đồng và sử dụng giấy mượn tiền để khởi kiện bị đơn. Bị đơn chỉ đồng ý trả nợ cho nguyên đơn 30.000.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: giấy mượn tiền ngày 25/4/2022 có nội dung: bị đơn có mượn của nguyên đơn số tiền 1.750.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm năm chục triệu đồng), thời hạn mượn là 12 tháng. Bị đơn cam kết trả nợ cho nguyên đơn đúng thời gian quy định, phí dưới hàng chữ người mượn được bị đơn ký tên, điểm chỉ. Bị đơn có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự theo quy định tại các Điều: 19, 20 Bộ luật Dân sự.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn 1.750.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật các Điều: 274, 280, 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[5] Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Xét không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp. Án phí sơ thẩm: ông T phải chịu theo quy định, miễn án phí cho bà V là người cao tuổi, có đơn xin miễn. Án phí phúc thẩm: ông T, bà V phải chịu theo quy định. Chi phí giám định: bà V phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 244, 274, 280, 288, 357, 463, 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các Điều: 147; 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 12, 14, 15, 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim V và ông Chiêu Kim T. Giữ nguyên Bản án số 60/2024/DS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện B như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Phú C đối với bà Nguyễn Thị Kim V, ông Chiêu Kim T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông T và bà V có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông C 1.750.000.000 đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đào Phú C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim V và ông Chiêu Kim T thanh toán tiền lãi 348.600.000 đồng.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị Kim V. Ông Chiêu Kim T phải nộp 32.250.000 đồng. Ông Đào Phú C không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B trả lại cho ông C 36.986.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003462 ngày 19/3/2024.

- Án phí phúc thẩm: Ông Chiêu Kim T phải nộp 300.000 đồng được trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003699 ngày 01/10/2024; bà Nguyễn Thị Kim V phải nộp 300.000 đồng được trừ vào 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003698 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

- Chi phí giám định: bà Nguyễn Thị Kim V phải chịu 10.000.000 đồng, bà V đã thực hiện xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Trung